

Bản án số: **295/2019/HS-PT**

Ngày: 07-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán:

Ông Trần Nam Phương

Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 193/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Thị Bích S do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bích S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Bích S**, sinh năm: 1961 tại: Quảng Nam; Nơi cư trú: ấp 8, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phạm V, sinh năm: 1927 và bà Bùi Thị B (đã chết); có chồng Nguyễn T, sinh năm 1959 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại:

Bà Hà Thị T, sinh năm 1968, trú tại: số nhà 216 tổ 5, khu phố H, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê Phương T1 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2016, Phạm Thị Bích S vay số tiền 40.000.000 đồng của Quỹ tín dụng Đại Lợi để chi tiêu trong gia đình. S đã thế chấp diện tích 1.908m² đất tọa lạc tại ấp 8, xã G, huyện Định Quán thuộc thửa 1156, tờ bản đồ số 29, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là QSDĐ) số BP 031221 đứng tên Phạm Thị Bích S cho Quỹ tín dụng Đại Lợi để đảm bảo thanh toán, thủ tục đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Quỹ tín dụng Đại Lợi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đầu năm 2017, S muốn vay tiền của bà Hà Thị T nhưng bà T yêu cầu phải có giấy chứng nhận QSDĐ thì mới cho vay tiền nên S đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận QSDĐ số BP 031221 để cầm cố, vay tiền của bà T. S nhờ một người tên Phúc (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm giả giấy chứng nhận QSDĐ số BP 031221 với số tiền 5.000.000 đồng. S đưa một bản phôtô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 031221 cho Phúc, khoảng 01 tuần sau, S đưa tiền cho Phúc và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (gọi tắt là giấy giả). Sau khi có giấy giả, ngày 10/3/2017, S mang đến cầm cố để vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng. Bà T không phát hiện ra giấy giả nên tin tưởng giao cho S số tiền vay 100.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, S chỉ trả được 20.240.000 đồng, còn nợ lại bà T số tiền 79.760.000 đồng.

Do không có tiền trả nên theo yêu cầu của bà T, S đã ký hợp đồng chuyển nhượng luôn thửa đất số 1156, tờ bản đồ 29 diện tích 1.908m² tọa lạc tại ấp 8, xã G cho chị Nguyễn Lê Phương T1 (con dâu bà T, bà T cho miếng đất này cho chị T1 để cân trừ nợ của S đối với bà T). Chị T1 đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân huyện Định Quán làm thủ tục sang nhượng miếng đất thì phát hiện giấy chứng nhận QSDĐ số BP 031221 mà S thế chấp cho bà T là giả. Bà T đã nộp giấy giả cho Cơ quan cảnh sát điều tra và tố cáo Phạm Thị Bích S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 10/4/2018, Cơ quan điều tra - Công an huyện Định Quán đã ra Quyết định trưng cầu giám định trưng cầu Phòng PC 54 - Công an tỉnh Đồng Nai giám định mẫu dấu của Ủy ban nhân dân huyện Định Quán và chữ ký của Phó chủ tịch UBND huyện Định Quán - ông Trần Nam Biên. Ngày 27/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC 54) - Công an tỉnh Đồng Nai đã có kết luận giám định số 162/KLGD kết luận “chữ ký mang tên Trần Nam Biên và mẫu chữ ký thu thập không phải do cùng một người ký ra” và “hình dấu tròn của Ủy ban nhân dân huyện và hình dấu tròn thu thập không phải do cùng một con dấu đóng ra” (bút lục số 10,38,39).

Số tiền chiếm đoạt là 100.000.000 đồng, S đã tự nguyện trả cho bà T số tiền 33.240.000đ đồng nên được bà T làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bà T yêu cầu bị cáo S phải trả tiếp số tiền 66.760.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã tuyên bố bị cáo Phạm Thị Bích S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các Điều 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích S 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/6/2019, bị cáo S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo và nộp thêm các chứng cứ mới gồm 01 đơn xin bãi nại của bà Hà Thị T và Nguyễn Lê Phương T1 có nội dung xác nhận việc bị cáo đã bồi thường tiếp cho người bị hại Hà Thị T số tiền 40.000.000 đồng, số tiền 26.760.000 đồng còn lại bị hại T miễn cho bị cáo và bị hại T và chị Nguyễn Lê Phương T1 làm đơn bãi nại cho bị cáo; 01 đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn của bị cáo Phạm Thị Bích S do UBND xã Gia Canh, huyện Định Quán xác nhận; 01 Giấy ra viện của bị cáo S. Ngoài ra bị cáo S không giao nộp gì khác.

Ý kiến của người bị hại Hà Thị T tại phiên tòa: Bà T thừa nhận đã nhận thêm từ bị cáo S số tiền 40.000.000 đồng bồi thường, tuy nhiên bà vẫn yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà số tiền 26.760.000 đồng còn lại, ngoài ra bà không có ý kiến khác.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị Bích S tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo mức án 02 (hai) năm tù là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo xin được giảm án và hưởng án treo và cung cấp thêm tình tiết mới là đã bồi thường thêm cho người bị hại T 40.000.000 đồng nhưng xét thấy mức án của cấp sơ thẩm dành cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bích S được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Bích S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thể hiện: Vào ngày 10/3/2017, tại ấp 3, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, bị cáo S đã dùng thủ đoạn gian dối là dùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho bà Hà Thị T, nhằm tạo lòng tin chiếm đoạt của bà T số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo S: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm có: bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà T số tiền 33.240.000 đồng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; được người bị hại làm đơn bãi nại, bị cáo là nữ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Do vậy, mức hình phạt 02 (hai) năm tù dành cho bị cáo của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã giao nộp chứng cứ mới về việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho bị hại Hà Thị T. Xét thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể rõ ràng và xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là 02 (hai) năm tù, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 04 (bốn) năm.

[5] Do bị cáo S đã bồi thường thêm cho người bị hại T 40.000.000 đồng nên sửa phần tuyên về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bà T. Buộc bị cáo S tiếp tục bồi thường cho bị hại Hà Thị T số tiền 26.760.000 đồng còn lại.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Về án phí: Sửa án phí dân sự sơ thẩm mà bị cáo S phải chịu. Về án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Bích S. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích S 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về phần dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị Bích S phải trả cho bà Hà Thị T số tiền 26.760.000đ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị Bích S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự và 1.338.000 (Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự.

- Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phụng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Phương

Triệu Thị Huỳnh Hoa

Võ Thị Thanh Phương